

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐÀO VIỆT HÀ

**QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN
NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 62 14 05 14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI, 2014

Công trình được hoàn thành tại:
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học:
GS.TSKH. Nguyễn Minh Đường
TS. Phan Chính Thức

Phản biện 1: PGS.TS. Đỗ Minh Cường
Tổng cục dạy nghề

Phản biện 2: PGS.TS. Phan Văn Nhân
Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS. Bùi Minh Hiền
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện
hợp tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội**
Vào hồi giờ ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1. Thư viện Quốc gia**
- 2. Thư viện Viện Khoa học giáo dục Việt Nam**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 khóa XI của Đảng khẳng định quan điểm chỉ đạo: “Phát triển giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.”

Đào tạo theo năng lực thực hiện (NLTH) đang là xu thế mới của GD&ĐT và đã tạo ra những thay đổi căn bản của quá trình dạy học. Ưu điểm của đào tạo theo NLTH là đáp ứng được nhu cầu của cả người học và người sử dụng lao động. Xây dựng là một lĩnh vực kinh tế đa ngành, liên quan đến nhiều lĩnh vực, chịu tác động nhiều của tiến bộ khoa học công nghệ khác nhau như cơ khí, điện tử, công nghệ vật liệu, xây lắp,... Nhu cầu về nhân lực chất lượng cao của ngành Xây dựng hiện nay là rất lớn. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của sản xuất... Đây là một thách thức lớn đồng thời cũng là động lực để các cơ sở đào tạo (CSĐT) phải chủ động tìm các giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật của Ngành. Mạng lưới các CSĐT của ngành Xây dựng gồm 33 trường. Trong nhiều năm qua các trường đã tích cực đổi mới đào tạo, bắt đầu áp dụng đào tạo theo tiếp cận NLTH hoặc theo học chế tín chỉ; tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn đang gặp khó khăn, kết quả chưa đạt như mục tiêu mong muốn. Điều này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do các trường chưa đổi mới cách thức quản lý đào tạo (QLĐT).

Với những lý do nêu trên, tác giả chọn đề tài “*Quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng*” làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng (CĐXD) nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp ngành Xây dựng.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

* **Khách thể nghiên cứu:** Đào tạo nghề theo NLTH ở các trường CĐXD.

* **Đối tượng nghiên cứu:** Quản lý đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD.

4. Giả thuyết khoa học

Hiện nay, ĐTN theo NLTH đang được triển khai ở các trường CĐXD; tuy nhiên, cách thức QLĐT nghề nói chung và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng chưa được đổi mới nên đang tồn tại những yếu kém, bất cập: quản lý đầu vào

thiếu tính hệ thống và chưa bám sát vào yêu cầu của thực tiễn sản xuất; quản lý quá trình dạy học triển khai kiểu đào tạo theo niên chế; quản lý đầu ra chưa theo chuẩn NLTH; khả năng thích ứng chưa cao với tác động của bối cảnh mới do còn xuất hiện “độ trễ” và “lỗ hổng” trong triển khai; do vậy, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp. Nếu thực hiện đồng bộ QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH gồm quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình dạy học, quản lý các yếu tố đầu ra,... thì sẽ từng bước nâng cao được chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu và phát triển cơ sở lý luận về đào tạo và QLĐT nghề theo NLTH.
- Đánh giá thực trạng đào tạo và QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD.
- Đề xuất các giải pháp QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Khảo nghiệm tính khả thi và tính thực tiễn của các giải pháp.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Đề tài giới hạn nghiên cứu QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng nghề (CĐN) ở các trường CĐXD. Việc khảo sát thực trạng được thực hiện tại các trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng có đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng.
- Việc thử nghiệm được giới hạn với 2 giải pháp và tiến hành tại Trường CĐXD công trình đô thị (Bộ Xây dựng).

7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp tiếp cận**

- *Phương pháp tiếp cận thị trường.* Trong cơ chế thị trường, nhà trường cần được quản lý và vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường. Chất lượng là yếu tố quyết định sự sống còn của CSĐT, do vậy, các trường phải không ngừng nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu khách hàng và để đủ sức cạnh tranh, tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tóm lại, QLĐT phải hướng tới chất lượng.

- *Phương pháp tiếp cận mục tiêu đầu ra: Năng lực thực hiện.* Đào tạo lao động kỹ thuật phải chuyển sang tiếp cận mục tiêu, lấy mục tiêu đầu ra làm đích, hướng tới việc hình thành những năng lực cần thiết cho học sinh (HS) để sau khi tốt nghiệp họ có thể làm ở vị trí lao động nhất định theo chuẩn nghề nghiệp và có cơ hội tìm được việc làm.

- *Phương pháp tiếp cận quá trình.* Chất lượng là cả quá trình! Để QLĐT hướng tới chất lượng cần quản lý từ đầu vào, quá trình dạy học đến đầu ra, đồng thời phải quan tâm đến tác động của bối cảnh mới, đặc biệt là công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, tiến bộ khoa học công nghệ của ngành Xây dựng...

*** Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp nghiên cứu lý luận*: Thu thập thông tin có liên quan, phân tích, tổng hợp, đánh giá và vận dụng vào việc xây dựng cơ sở lý luận.

- *Phương pháp nghiên cứu thực tiễn*: Phân tích hoạt động QLĐT theo tiếp cận NLTH để nhận thức được thực trạng tổ chức, quản lý quá trình đào tạo nhằm xác định mặt mạnh, mặt yếu kém và nguyên nhân, làm cơ sở cho việc xác định các giải pháp đổi mới QLĐT. Một số phương pháp được sử dụng là: Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn giáo dục; Phương pháp thử nghiệm.

- *Các phương pháp khác*: Phương pháp chuyên gia; Phương pháp thống kê toán học.

8. Luận điểm để bảo vệ

1) QLĐT có tính quyết định đến sự thành bại của CSĐT trong cơ chế thị trường. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp thì khâu then chốt và bước đi đột phá của CSĐT là phải đổi mới QLĐT; theo đó, các trường CĐXD cần vận dụng các quan điểm, mô hình quản lý hiện đại vào QLĐT.

2) Vận dụng mô hình CIPO: QLĐT theo NLTH các yếu tố đầu vào, quá trình dạy học, các yếu tố đầu ra, đồng thời quan tâm đến tác động của bối cảnh mới, đặc biệt là đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, tiến bộ khoa học công nghệ của ngành Xây dựng và nền kinh tế thị trường là phù hợp với QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng hướng tới chất lượng.

3) Thực hiện phương thức đào tạo theo NLTH ở các trường CĐXD là cần thiết để các trường có thể nhanh chóng đổi mới đào tạo theo hướng tiếp cận đầu ra, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và góp phần phát triển ngành Xây dựng của nước nhà.

9. Những đóng góp mới của luận án

* *Về lý luận*: Vận dụng mô hình CIPO và triết lý, nguyên tắc của đào tạo theo NLTH, tác giả đã xây dựng được cơ sở lý luận về quản lý đào tạo nghề theo NLTH.

* *Về thực tiễn*: Đánh giá được thực trạng đào tạo và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD trên các mặt: chất lượng và hiệu quả đào tạo; quản lý công tác tuyển sinh, phát triển đội ngũ giáo viên (GV), cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, tổ chức quá trình dạy học, đánh giá kết quả đầu ra và thông tin đầu ra làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp. Đề xuất được 6 giải pháp có tính thực tiễn và tính khả thi cao để QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng với các nhóm: quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình dạy học, quản lý các yếu tố đầu ra.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

** Ở nước ngoài*

+ *Về đào tạo theo NLTH*: Cùng với sự phát triển của thuyết hành vi trong học tập và tiếp cận đào tạo theo mục tiêu đầu ra, đào tạo dựa trên NLTH đã được tiến hành rất sớm ở một số nước công nghiệp phát triển. Nhiều công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài đã phân tích, đánh giá, tổng kết và gợi mở những khả năng vận dụng phương thức đào tạo theo NLTH vào GD&ĐT. Đã có nhiều báo cáo tổng kết về đào tạo dựa trên NLTH phát triển mạnh mẽ trong những năm 1990 với hàng loạt các tổ chức có tầm cỡ ở Mỹ, Anh, Úc, New Zealand, xứ Wales v.v... và ở nhiều nước châu Á như Singapore, Ấn Độ, Philippin, Brunei, Malaysia,... Mỗi quốc gia, mỗi tổ chức triển khai vận dụng phương thức đào tạo dựa trên NLTH với các mức độ khác nhau tùy thuộc điều kiện thực tế. Qua những nghiên cứu trên có thể nhận thấy: đào tạo theo NLTH là một xu hướng được nhiều quốc gia, nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau và ứng dụng vào quá trình dạy học ở các trường đại học, chuyên nghiệp và dạy nghề. Lý thuyết về đào tạo theo NLTH được vận dụng phù hợp tùy theo đặc điểm của mỗi quốc gia.

+ *Về QLĐT nghề*: QLĐT nghề là lĩnh vực đã được nhiều chuyên gia, nhà khoa học nghiên cứu với nhiều góc độ, cách thức tiếp cận khác nhau ứng với từng thể chế quốc gia, từng giai đoạn phát triển. Gần đây, QLĐT nghề đang được nghiên cứu theo hướng tiếp cận thị trường và được các chuyên gia về quản lý quan tâm.

** Ở trong nước*

+ *Về đào tạo theo NLTH*: Ở nước ta, vào những năm 1987-1990, đào tạo theo mô đun kỹ năng hành nghề đã được Viện Nghiên cứu khoa học dạy nghề và Trung tâm Phương tiện kỹ thuật Dạy nghề nghiên cứu, đã tổ chức nhiều hội thảo và bắt đầu thử nghiệm đào tạo ngắn hạn ở một số Trung tâm dạy nghề. Trong những năm 1990, nhiều công trình nghiên cứu của các học giả, các tổ chức trong và ngoài nước đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng kết và đề xuất các giải pháp cụ thể để từng bước đưa đào tạo theo NLTH vào vận dụng trong dạy nghề và bồi dưỡng giáo viên dạy nghề tại Việt Nam.

+ *Về QLĐT nghề*: QLĐT nghề ở Việt Nam cũng là đề tài được các nhà khoa học quản lý, các chuyên gia nghiên cứu, tìm hướng vận dụng trong hàng chục năm qua ứng với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Gần đây, xu thế đổi mới QLĐT nghề ở Việt Nam cũng đã tiếp cận với thế giới; đặc biệt là khi chúng ta hội nhập sâu rộng, nhiều cơ hội phát triển mở ra cùng với những thách thức có tác động tiêu cực đến hệ thống GD&ĐT.

Tóm lại, đào tạo theo NLTH là một phương thức đào tạo không mới đối với thế giới nhưng ở Việt Nam mới chủ yếu được vận dụng vào lĩnh vực dạy nghề. Các

công trình nghiên cứu ở Việt Nam chưa nhiều; hầu hết các công trình mới chỉ đề cập đến quan điểm, định hướng, hoặc mới chỉ nghiên cứu vận dụng trong một phạm vi hẹp, một khâu của quá trình dạy học, quản lý dạy học thực hành khi vận dụng phương thức đào tạo theo NLTH. QLĐT nghề theo NLTH chưa có, vì vậy, đó là một hướng đi mới góp phần triển khai có hiệu quả đào tạo theo NLTH trong dạy nghề. Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả đã nghiên cứu, kế thừa, đối chiếu nhiều luận điểm, số liệu từ các công trình nghiên cứu kể trên.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

*** Năng lực và năng lực thực hiện**

Năng lực được hiểu là *khả năng hay tiềm năng để thực hiện tốt một công việc nhưng không quy định rõ ràng công việc cụ thể cũng như những quy định chuẩn cần đạt để có thể giáo dục hình thành nó cũng như để đánh giá mức độ đạt được của nó.*

Năng lực thực hiện là các tổ hợp của ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp mà mỗi cá nhân cần có để hoàn thành được những nhiệm vụ và công việc của một nghề đạt chuẩn quy định trong những điều kiện nhất định.

*** Quản lý đào tạo**

Quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý đến khách thể bị quản lý trong một môi trường cụ thể bằng những công cụ và phương pháp quản lý phù hợp để đạt được mục tiêu đề ra. Quản lý có 4 chức năng: Lập kế hoạch; Tổ chức thực hiện; Lãnh đạo, chỉ đạo; Kiểm tra, đánh giá.

Đào tạo là làm cho một cá nhân trở thành người có NLTH theo những tiêu chuẩn nhất định thông qua các hoạt động giảng dạy và học tập gắn với việc giáo dục đạo đức, nhân cách người học đáp ứng yêu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Quản lý đào tạo là sự tác động của chủ thể quản lý đến khách thể bị quản lý trong quá trình đào tạo thông qua các chức năng của quản lý và bằng những công cụ, phương pháp quản lý phù hợp để đạt được mục tiêu chung của quá trình đào tạo và người học có được NLTH theo chuẩn quy định.

*** Chuẩn nghề nghiệp và chuẩn đầu ra**

Chuẩn nghề nghiệp (hay chuẩn NLTH) là một tập hợp các quy định về các công việc cần làm và mức độ cần đạt được trong việc thực hiện các công việc đó tại vị trí lao động ứng với các trình độ của nghề.

Chuẩn đầu ra là bản cam kết của nhà trường đối với xã hội về mục tiêu đào tạo (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của một chương trình đào tạo (CTĐT), qua đó khẳng định NLTH những công việc cụ thể mà người học sẽ làm được theo chuẩn quy định trong lĩnh vực nghề nghiệp sau khi được đào tạo tại nhà trường.

1.3. Đào tạo theo năng lực thực hiện

* **Triết lý của đào tạo theo NLTH:** Xuất phát từ những vấn đề đã nghiên cứu có thể nhận thấy rằng triết lý của đào tạo theo truyền thống chú ý vào nhân cách và toàn diện, còn triết lý của đào tạo theo NLTH lại quan tâm đến việc làm và năng lực kiếm sống.

* **Đặc điểm của đào tạo theo NLTH:** Đề phát triển các CTĐT theo NLTH cần xử lý một cách có hệ thống ba khía cạnh: Xác định các năng lực, Phát triển các năng lực và Đánh giá các năng lực một cách khách quan. Đề xác định được các năng lực, điểm bắt đầu thường là những kết quả đầu ra (outcomes) và *định hướng đầu ra* là đặc điểm cơ bản nhất có ý nghĩa trung tâm của đào tạo theo NLTH, nó định hướng và chú trọng vào kết quả, vào đầu ra của quá trình đào tạo, điều đó có nghĩa là: Mỗi người học có thể làm được cái gì trong một tình huống lao động nhất định theo tiêu chuẩn đề ra. Đặc trưng của dạy học theo NLTH gồm hai thành phần: *Dạy và học các năng lực thực hiện* và *Đánh giá và xác nhận năng lực thực hiện*.

* **Nội dung của đào tạo theo NLTH:** Nội dung của đào tạo theo NLTH chính là sự tích hợp của hệ thống tri thức khoa học, kỹ thuật, phương pháp liên quan đến nghề nghiệp; hệ thống kỹ năng về nghề nghiệp; hệ thống kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và hệ thống tri thức về thái độ đối với nghề nghiệp bảo đảm cho người học có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thực tiễn sản xuất.

* **Đào tạo theo NLTH trong mối quan hệ với thị trường lao động:** Quá trình đào tạo theo NLTH có mối quan hệ chặt chẽ với thị trường lao động thông qua hệ thống Tiêu chuẩn kỹ năng nghề và công nhận kỹ năng nghề.

* **Tổ chức đào tạo theo NLTH:** Đề xác định một người đã hoàn thành CTĐT, người ta căn cứ vào sự thông thạo được tất cả các NLTH đã xác định trong CTĐT theo chuẩn đầu ra. Không đặt ra yêu cầu về thời lượng dành cho học tập bởi vì người học có thể học theo khả năng và nhịp độ của riêng mình, không phụ thuộc vào người khác, miễn là đủ thời gian để tiếp thu và thông thạo được các NLTH. Điều đó cho phép người học có thể vào học và kết thúc việc học ở bất kỳ thời điểm nào. Hồ sơ học tập của từng cá nhân và của tất cả mọi người học được lưu trữ đầy đủ. Người học có thể học chuyên tiếp hoặc ra khỏi chương trình học không cần học lại những NLTH đã thông thạo nhờ có hệ thống các tín chỉ đã được cấp trước đây. Đào tạo theo NLTH đặt trọng tâm vào việc giải quyết vấn đề hình thành NLTH cho người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào các tiêu chí thực hiện, chúng được xác định chủ yếu từ các tiêu chuẩn nghề.

* **Điều kiện để đào tạo theo NLTH:** Điều kiện tiên quyết để tổ chức đào tạo theo NLTH là phải xác định được một hệ thống NLTH làm kết quả đầu ra của quá trình đào tạo và làm cơ sở định hướng cho tất cả các hoạt động tiếp theo của GV và HS. Các yêu cầu (điều kiện) để tổ chức đào tạo theo NLTH:

+ Xây dựng và phát triển CTĐT theo NLTH ứng với từng cấp trình độ trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp;

- + Bảo đảm các điều kiện cần thiết về đội ngũ GV, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH;
- + Sử dụng các công cụ quản lý phù hợp để QLĐT theo nhu cầu và khả năng của người học. Sử dụng phần mềm quản lý kết hợp với hỗ trợ từ kết nối mạng Internet tạo những công thông tin điện tử phục vụ quá trình “giao dịch” giữa CSĐT và người học.

1.4. Quản lý đào tạo nghề theo năng lực thực hiện

* **Quản lý đào tạo nghề hướng tới chất lượng:** QLĐT nhằm mục tiêu lớn nhất là không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bởi vì, chất lượng đào tạo là vấn đề sống còn của CSĐT trong cơ chế thị trường. Một số mô hình QLĐT hướng tới chất lượng đã được nghiên cứu và vận dụng như *mô hình QLĐT theo quá trình* và *mô hình CIPO*. Với quan điểm chất lượng đào tạo không phải bồng chốc có được mà phải là một quá trình, UNESCO đã đưa ra mô hình quản lý CIPO, trong đó có các thành phần: quản lý đầu vào (**I**nput), quản lý quá trình (**P**rocess), quản lý đầu ra (**O**utput/**O**utcome), và tác động của bối cảnh (**C**ontext). Cùng với cách tiếp cận quản lý *theo quá trình*, CIPO đã đưa thêm thành phần *Tác động của bối cảnh* (Context); nghĩa là, khi vận dụng vào QLĐT nghề, mô hình CIPO có tính chất kiểm soát quá trình đào tạo và tất cả các yếu tố tác động từ môi trường kinh tế - xã hội lên quá trình đào tạo để *hướng tới chất lượng* đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Khi đó, QLĐT được đặt trong một môi trường “vận động” có ý nghĩa toàn diện hơn... *Tóm lại*, QLĐT cần có những cách tiếp cận là: *Tiếp cận theo quá trình*; *Tiếp cận theo định hướng đầu ra - NLTH*; *Tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng*.

* **Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo nghề theo NLTH:** Theo hình 1.6, các nhóm nội dung quản lý gồm: quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra và tác động của bối cảnh đến QLĐT nghề.

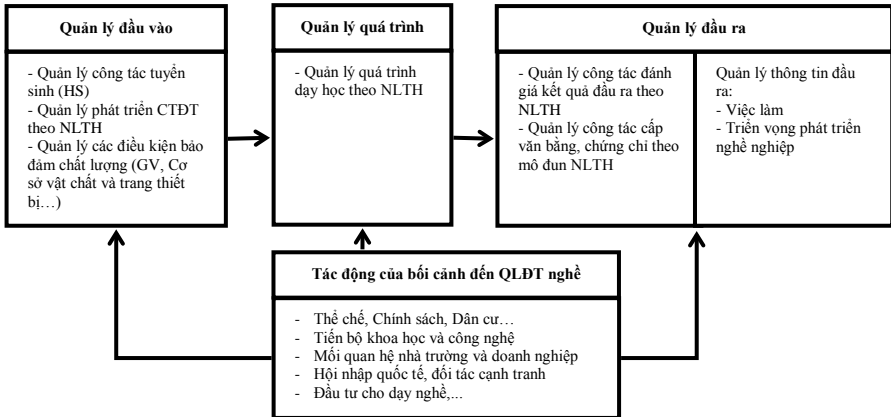
+ **Quản lý đầu vào:**

- **Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH**, bao gồm: Quản lý chính sách tuyển sinh, quá trình tuyển sinh (phân nhóm HS, ghép lớp,...) và hướng nghiệp cho HS phổ thông chọn nghề phù hợp để học nghề theo NLTH.

- **Quản lý phát triển CTĐT nghề theo NLTH.** Trên quan điểm tiếp cận thị trường, để phát triển CTĐT nghề theo NLTH, các CSĐT phải bám sát nhu cầu của doanh nghiệp, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề và ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, HS sau tốt nghiệp đã đi làm, để cải tiến hoàn thiện từng môn học, mô đun NLTH của nghề phù hợp yêu cầu mới của thị trường lao động.

- **Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo nghề theo NLTH**, gồm: Quản lý quá trình tuyển chọn, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng GV

dạy học theo NLTH; Quản lý quá trình mua sắm, xây lắp, bảo quản và sử dụng trang thiết bị dạy học phục vụ đào tạo theo NLTH.



Hình 1.6: Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý đào tạo theo tiếp cận NLTH

+ *Quản lý quá trình:*

Quản lý quá trình thực chất là quản lý quá trình dạy và học nghề - một quá trình kết hợp đan xen liên tục, mềm dẻo, linh hoạt giữa quá trình dạy và học với quá trình đánh giá kết quả dạy và học nhằm bảo đảm *su thực hiện* các NLTH được hoàn thành trọn vẹn từ khâu chuẩn bị ban đầu cho đến khi có kết quả cuối cùng.

Để quản lý quá trình dạy và học nghề theo NLTH cần lập kế hoạch, chỉ đạo, điều hành quá trình dạy học theo CTĐT đã thiết kế đáp ứng yêu cầu của dạy học nghề theo NLTH. Trong quá trình đó, cần chú ý *công tác đánh giá kết quả dạy và học nghề theo NLTH* nhằm bảo đảm kết quả được đánh giá *theo quá trình* và thông qua các *chuẩn NLTH*.

+ *Quản lý đầu ra:*

- *Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH.* Kết quả đầu ra (các NLTH) được đánh giá với tổ hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Việc có các chuyên gia của doanh nghiệp tham gia vào quá trình này có giá trị như công đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) trước khi xuất xưởng.

- *Quản lý công tác cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp học nghề theo NLTH.* Cần chú ý mức độ linh hoạt của chứng chỉ (tín chỉ) mỗi mô đun và sự lắp ghép các chứng chỉ đã hoàn thành để có được văn bằng tương ứng với trình độ đào tạo theo quy định.

- *Quản lý thông tin đầu ra.* Thông qua nhu cầu của doanh nghiệp, cụ thể như: việc làm (vị trí, số lượng, trình độ yêu cầu...), triển vọng phát triển nghề nghiệp...; thông qua quản lý thông tin đa chiều từ môi trường phát triển kinh tế - xã hội, từ các doanh nghiệp và từ người học đã tốt nghiệp, từ khảo sát điều tra theo dấu vết người học tốt nghiệp... CSĐT có thể phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, triển khai công tác tư vấn và hỗ trợ người học tìm việc làm...

+ *Tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH*

- *Về thể chế, chính sách:* những tác động từ Nghị quyết, Luật Giáo dục, Luật Dạy nghề, Nghị định,... là định hướng mở đường cho dạy nghề phát triển...

- *Về sự tiến bộ của khoa học và công nghệ:* những tác động được cập nhật, ứng dụng,... làm cho quá trình đào tạo nghề thích ứng với sự biến động của thị trường lao động khi quá trình sản xuất, dịch vụ đã có sự nâng cấp, phát triển nhanh chóng của công nghệ.

- *Về hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh:* những tác động này nhằm giúp cho CSĐT có điều kiện so sánh, tự xác định vị trí, giá trị, thương hiệu của mình không chỉ trong nước mà cả khu vực và thế giới; đồng thời, tạo ra cầu nối để tận dụng triệt để những lợi ích trong quá trình liên kết, hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ đào tạo, tiếp cận với CTĐT tiên tiến của thế giới.

Ngoài ra, các CSĐT cần quan tâm đến các yếu tố tác động khác về dân cư, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư cho GD&ĐT... để có những định hướng phát triển phù hợp, mặc dù những tác động trên đây mang tầm vĩ mô, nhưng ít nhiều cũng có những ảnh hưởng nhất định đến đào tạo và QLĐT theo NLTH.

*** *Ma trận các chức năng quản lý và nội dung quản lý đào tạo nghề năng lực thực hiện***

TT	Các nội dung quản lý theo CIPO	Các chức năng quản lý			
		<i>Lập kế hoạch</i>	<i>Tổ chức thực hiện</i>	<i>Chỉ đạo/ Lãnh đạo</i>	<i>Kiểm tra/ Giám sát</i>
1	<i>Quản lý đầu vào</i>				
1.1	Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Kế hoạch hóa công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Chỉ đạo công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề theo NLTH
1.2	Quản lý phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Lập kế hoạch phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Tổ chức phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Chỉ đạo phát triển CTĐT nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác phát triển CTĐT nghề theo NLTH
1.3	Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo nghề	- Lập kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV - Lập kế hoạch cải thiện trang	- Tổ chức tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV - Tổ chức cải thiện trang thiết bị dạy học	- Chỉ đạo công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV - Chỉ đạo cải thiện trang	- Kiểm tra công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV - Kiểm tra công tác cải thiện

	theo NLTH	thiết bị dạy học		thiết bị dạy học	trang thiết bị dạy học
2	<i>Quản lý quá trình</i>				
	Quản lý quá trình dạy học nghề theo NLTH	Lập kế hoạch dạy học nghề, đánh giá kết quả dạy học theo NLTH	Tổ chức quá trình dạy học và đánh giá kết quả theo NLTH	Chỉ đạo hoạt động dạy học và đánh giá kết quả dạy học theo NLTH	Kiểm tra quá trình dạy học và đánh giá kết quả dạy học theo NLTH
3	<i>Quản lý đầu ra</i>				
3.1	Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH	Lập kế hoạch đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH	Tổ chức đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH	Chỉ đạo công tác đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH	Kiểm tra công tác đánh giá kết quả đầu ra theo NLTH
3.2	Quản lý cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Lập kế hoạch cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Tổ chức cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Chỉ đạo công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH	Kiểm tra công tác cấp văn bằng, chứng chỉ nghề theo NLTH
3.3	Quản lý thông tin đầu ra	Lập kế hoạch thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của đào tạo nghề	Tổ chức thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của đào tạo nghề	Chỉ đạo công tác thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của đào tạo nghề	Kiểm tra công tác thu nhận và xử lý thông tin đa chiều về đầu ra của đào tạo nghề
4	<i>Thích ứng với tác động của bối cảnh đến QLĐT</i>				
		Lập kế hoạch chủ động thích ứng với những tác động của bối cảnh	Tổ chức phương án thích ứng với những tác động của bối cảnh	Chỉ đạo sẵn sàng thích ứng với những tác động của bối cảnh	Kiểm tra hoạt động thích ứng với những tác động của bối cảnh

Kết luận chương 1

Đào tạo theo NLTH đã hình thành và phát triển từ lâu và hiện nay đang được vận dụng vào điều kiện phát triển của Việt Nam. Ưu điểm lớn nhất của phương thức đào tạo này là quá trình đào tạo tiến hành dựa trên năng lực của người học và “đầu ra” luôn được tiệm cận gần nhất với yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp... Tuy nhiên, để phát huy tốt những ưu điểm này đòi hỏi các điều kiện đi kèm (CTĐT, đội ngũ GV, trang thiết bị dạy học,...) phải đồng bộ và đáp ứng những yêu cầu của quá trình đào tạo; đồng thời, lựa chọn được mô hình QLĐT tối ưu.

Mô hình CIPO là phù hợp để các CSĐT vận dụng trong QLĐT nghề theo NLTH, bởi cách tiếp cận trong mô hình vận dụng này là *tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo định hướng đầu ra và tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng*. Việc xây dựng ma trận các chức năng quản lý theo CIPO đã định hướng và tạo điều kiện tiếp cận những điểm đặc trưng và những vấn đề cốt lõi của QLĐT nghề theo NLTH cần tập trung nghiên cứu thực tiễn và đề xuất giải pháp QLĐT nghề phù hợp.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG

2.1. Đặc điểm của lao động kỹ thuật trong ngành Xây dựng

Lao động kỹ thuật của ngành Xây dựng mang tính chất đặc thù, ngành nghề đa dạng, trình độ không đồng đều. Cơ cấu ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng có nhiều nghề nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên phải trèo cao hoặc lao động trong điều kiện địa hình địa thế phức tạp, thời tiết khắc nghiệt... (chiếm tới 40% tổng số danh mục nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong các ngành sản xuất vật chất của cả nước). Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của đất nước, nhiều dự án xây dựng đã được triển khai với nhiều công nghệ xây dựng mới; nhiều công cụ lao động, thiết bị hiện đại; nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng đã cơ giới hóa, tự động hóa để cải thiện điều kiện làm việc, phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp...

2.2. Mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề của ngành Xây dựng

Hiện nay, mạng lưới CSĐT công lập của ngành Xây dựng có 33 trường, trong đó có: 1 Học viện; 4 trường đại học; 4 trường cao đẳng; 7 trường CĐN, 9 trường trung cấp chuyên nghiệp, 7 trường trung cấp nghề (TCN). Có 5 trường CĐXD đang đào tạo nghề *Kỹ thuật xây dựng* trình độ CĐN.

2.3. Khảo sát điều tra về thực trạng quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng

* **Mục đích và nội dung khảo sát:** Thu nhận thông tin làm cơ sở đánh giá thực tế và khách quan về thực trạng công tác đào tạo và QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD thông qua trao đổi với lãnh đạo, cán bộ quản lý (CBQL) và GV; đồng thời gửi phiếu điều tra với bốn nhóm nội dung: quản lý đầu vào; quản lý quá trình; quản lý đầu ra; khả năng thích ứng với tác động của bối cảnh đến QLĐT. Khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và gửi phiếu điều tra về thực trạng sử dụng lao động Kỹ thuật xây dựng, những đánh giá chủ quan của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo, về mối quan hệ với CSĐT,...

* **Thời gian và đối tượng khảo sát:** Từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2012, nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát 7 trường CĐXD và 2 trường cao đẳng được nâng cấp lên đại học năm 2011; đồng thời gửi phiếu điều tra đến 150 GV, 50 CBQL, 175 HS của 5 trường CĐXD thuộc Bộ Xây dựng đang ĐTN Kỹ thuật xây dựng. Đối với DoN trong lĩnh vực xây dựng, tiến hành khảo sát tại 6 doanh nghiệp; gửi phiếu điều tra đến 30 CBKT, 120 công nhân kỹ thuật.

2.4. Thực trạng về đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng

* **Lĩnh vực nghề đào tạo ở các trường CĐXD:** Các CSĐT của ngành Xây dựng đang đào tạo 45 nghề thuộc 4 nhóm ngành nghề.

*** *Đạy và học các NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng:*** Các trường CĐXD đều xây dựng kế hoạch đào tạo và áp dụng phương thức QLĐT theo niên chế đối với hệ chính quy. Kết quả là sản phẩm “đầu ra” của quá trình đào tạo không có nhiều khác biệt, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Qua khảo sát, các trường CĐXD đã nhận ra được những khiếm khuyết khi đã triển khai dạy và học theo NLTH nhưng vẫn loay hoay với cái gọi là “mô hình” QLĐT nghề theo NLTH phù hợp với thực tế CSĐT. Quy trình, phương tiện, công cụ QLĐT không thay đổi. Kết quả là quá trình triển khai đào tạo theo NLTH thiếu đồng bộ, QLĐT vẫn áp đặt kiểu quản lý hành chính như đào tạo truyền thống dẫn đến những mâu thuẫn nội tại trong tổ chức thực hiện nên hiệu quả đào tạo không đạt được như mong muốn.

*** *Đánh giá và xác nhận các năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng:*** Việc đánh giá và xác nhận các NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng không được thực hiện như yêu cầu của phương thức đào tạo theo NLTH. Các trường vẫn áp dụng cách thức đánh giá kiểu truyền thống thay vì lấy NLTH nghề làm căn cứ để triển khai. Vì vậy, kết quả đánh giá cũng không thể hiện rõ ràng các tiêu chí cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Thay vào đó là những tổng kết điểm xếp loại và báo cáo tổng kết năm học như cách thức đào tạo truyền thống. Chất lượng đào tạo nhìn từ góc độ đánh giá chủ quan chỉ ở mức trung bình, đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất sử dụng công cụ lao động thủ công và nửa cơ giới. Với những phương tiện sản xuất hiện đại, dây chuyền công nghệ tiên tiến, tỷ lệ tự động hóa cao thì khả năng đáp ứng của HS sau tốt nghiệp vẫn là một thách thức lớn. HS sau tốt nghiệp thường yếu ở các “kỹ năng mềm” như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch công việc, kỹ năng kiểm tra giám sát, kỹ năng tự đánh giá, kỹ năng làm việc nhóm,... Kết quả điều tra đối với lao động kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng đang làm việc có 56,93% người lao động có việc làm sau khi tốt nghiệp dưới 6 tháng, làm việc hoàn toàn đúng ngành nghề chiếm 50,36% và 70,80% có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo.

2.5. Thực trạng về quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường cao đẳng xây dựng

*** *Quản lý đầu vào:***

+ Quản lý công tác tuyển sinh đã có những thay đổi nhất định nhằm tiếp tục thu hút người học từ nhiều nguồn khác nhau, nhiều hệ khác nhau. Tuy nhiên, việc tuyển sinh chưa được coi trọng một cách thường xuyên, liên tục trong cả năm nên không có kế hoạch dài hạn, các trường vẫn chỉ thông báo tuyển sinh chính thức 1 lần trong năm, phân loại năng lực đầu vào của người học chưa được thực hiện.

+ Quản lý mục tiêu, CTĐT đã có chỉ đạo theo hướng cân bằng tỷ trọng lý thuyết – thực hành; bảo đảm tính hệ thống và khoa học; có chú ý đến tính vừa sức, tính liên thông giữa các CTĐT. Tuy nhiên, trong quá trình hiệu chỉnh CTĐT, các căn cứ để thực hiện vẫn lấy từ điều kiện sẵn có của nhà trường, do đó CTĐT vẫn còn khoảng

cách với thực tế sản xuất, cập nhật không kịp thời sự tiến bộ của khoa học công nghệ xây dựng; CTĐT vẫn khá nặng về lý thuyết, chưa bám sát vào chuẩn NLTH.

+ Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng cũng đã được các trường quan tâm, đó là: hàng năm có các hoạt động cụ thể để nâng cao chất lượng đội ngũ GV và CBQL, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Tuy nhiên, trình độ kỹ năng nghề và năng lực dạy học tích hợp của GV cùng trang thiết bị phòng dạy học tích hợp đáp ứng yêu cầu dạy học theo NLTH đang là khó khăn đối với các trường.

*** Quản lý quá trình:**

Quản lý quá trình dạy và học nghề Kỹ thuật xây dựng dù đã có những đổi mới nhất định nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH. Việc lập kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo vẫn theo kiểu đào tạo niên chế và hoàn toàn do nhà trường làm ra theo “trục thời gian” thay vì căn cứ trên cơ sở kế hoạch học tập do HS tự lập theo các môn học, mô đun NLTH. Quản lý hoạt động dạy của GV vẫn mang tính phân cấp hình thức, chưa có đầy đủ các quy trình, hướng dẫn và hoạt động giám sát, đánh giá, tổng kết. Quản lý HS và các hoạt động học tập thực hiện theo đúng quy chế, tuy nhiên hạn chế lớn nhất của các CSĐT là quản lý các hoạt động học tập ngoài giờ học và ngoài nhà trường; đặc biệt là hoạt động tự học của HS. Quản lý công tác đánh giá kết quả dạy học các trường cũng triển khai rất chung chung, mặc dù đã có những định hướng để GV triển khai theo các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ nhưng việc tổ chức thực hiện thì các trường vẫn để cho GV và Bộ môn tự do, tùy chọn, không quy định cụ thể về cách thức, tiêu chuẩn... đánh giá.

*** Quản lý đầu ra:**

+ Đúng như yêu cầu của chuẩn đầu ra, HS được biết công khai toàn bộ các mục tiêu, nội dung, yêu cầu và mức độ cần đạt được khi tốt nghiệp về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ và các kỹ năng mềm khác. Tuy nhiên, việc đánh giá kết quả đầu ra dạy nghề đều thực hiện bởi chính các GV của nhà trường; đối với đào tạo ngắn hạn, tùy theo thỏa thuận với doanh nghiệp, có thể mời chuyên gia của doanh nghiệp cùng tham gia đánh giá.

+ Các trường không cấp chứng chỉ hoàn thành từng mô đun NLTH cho HS mà chỉ cấp bằng tốt nghiệp một lần sau kỳ thi tốt nghiệp cuối khóa. Như vậy, cách tiến hành cấp văn bằng, chứng chỉ không đúng yêu cầu của đào tạo theo NLTH - tích lũy các chứng chỉ NLTH để có được bằng tốt nghiệp tương ứng với trình độ.

+ Các trường không quản lý thông tin đầu ra và các thông tin đa chiều liên quan (người học, doanh nghiệp, các chuyên gia khoa học, các liên đới khác...) nhằm khẳng định giá trị đầu ra của quá trình đào tạo, đó là NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng; vì vậy không có cơ hội để tận dụng những lợi ích to lớn từ công tác này, ví dụ như: không thể tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học tốt nghiệp một cách có tổ chức, có hệ thống; không thể xây dựng được một hệ thống thông tin thị trường

lao động; quá trình phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp thiếu tính hệ thống, cục bộ theo lợi ích của từng bên, không xác định phối hợp lâu dài và bền vững...

* **Khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh đến QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng:** Khả năng thích ứng với các yếu tố tác động của bối cảnh như: chính sách, sự tiên bộ khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế, đối tác cạnh tranh, đầu tư cho dạy nghề... đều bắt đầu từ nhận thức của Ban Giám hiệu; nghĩa là, CSĐT có tận dụng tối đa được cơ hội hay chấp nhận những ảnh hưởng tiêu cực do thách thức mang đến từ các yếu tố bên ngoài tác động gần như phụ thuộc vào năng lực của Ban Giám hiệu. Như vậy, đây là quá trình “một chiều” và dù điều này có ưu điểm về sự thống nhất chỉ đạo, nhưng nhược điểm là xuất hiện “độ trễ” trong sự thích ứng hoặc xuất hiện “lỗ hổng” do không thể bao quát hết từng nội dung cụ thể hoặc do năng lực của chủ thể quản lý khi đánh giá những yếu tố tác động chưa tốt.

2.6. Những yếu kém, nguyên nhân

* **Những yếu kém:** Việc dạy và học các NLTH; đánh giá kết quả dạy và học theo NLTH chưa được triển khai đúng yêu cầu nên chất lượng đào tạo và hiệu quả đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp. Quản lý đầu vào bị động: kế hoạch tuyển sinh thiếu tính hệ thống; quản lý CTĐT mang tính chủ quan, một chiều, chỉ đáp ứng theo các điều kiện hiện có của nhà trường, chưa có sự gắn kết với doanh nghiệp nên CTĐT chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất; quản lý và tổ chức các điều kiện bảo đảm chất lượng chưa hiệu quả nên năng lực dạy học tích hợp của đội ngũ GV và trang thiết bị phòng dạy học tích hợp chưa đáp ứng được điều kiện đào tạo. Quản lý quá trình dạy học vẫn theo kế hoạch niên chế cứng nhắc với “trục thời gian”, chưa tổ chức dạy học theo tiếp cận NLTH; quản lý đánh giá kết quả dạy học thiếu quy trình và tiêu chuẩn đánh giá. Quản lý đầu ra bị buông lỏng: quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện kiểu truyền thống, chưa lấy chuẩn NLTH làm cơ sở đánh giá, chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc chuẩn hóa và tham gia đánh giá các NLTH của HS. Quản lý thông tin đầu ra bị “ngừng trệ” hoặc cục bộ, nhất thời nên CSĐT không có cơ hội tận dụng các lợi ích đi kèm. Công tác duy trì và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa được triển khai một cách hệ thống và chưa mở rộng về nội dung, hình thức phối hợp. Việc đối mặt với những tác động của bối cảnh ở các CSĐT chưa thường xuyên sẵn sàng, chỉ đạo theo nhận thức của lãnh đạo... gây ra “độ trễ” trong sự thích ứng và “lỗ hổng” trong nội dung quản lý.

* **Nguyên nhân:** Tư duy của lãnh đạo chưa đổi mới, chỉ đạo thực hiện thiếu quyết liệt, công tác kiểm tra quan liêu, buông lỏng quản lý, không điều chỉnh kịp thời và hợp lý những vấn đề phát sinh trong QLĐT. Quá trình quản lý thiếu đồng bộ, còn rời rạc. Công cụ, phương pháp quản lý không đổi mới kịp quá trình phát triển của xã hội.

Kết luận chương 2

Thực trạng QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD đặt ra những vấn đề cụ thể cần giải quyết trong từng nhóm quản lý. Nguyên nhân chủ yếu là hệ thống QLĐT vận hành kém hiệu quả. Để khắc phục, CSĐT cần thống nhất mô hình quản lý và chú ý những vấn đề sau:

- Tuyển sinh như một người đang tìm đường đi nhưng không có “bản đồ chỉ dẫn tổng thể”, cần phải kế hoạch hóa và tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh người học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.
- Phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH cần có sự chi đạo để các bộ phận, các hoạt động và kết quả cuối cùng là CTĐT đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp.
- Các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng cần được cải tiến để tổ chức thực hiện với những quy định, quy trình rõ ràng.
- Quá trình dạy học cần có sự tổ chức một cách khoa học để chuyển đổi cách thức tiến hành đúng yêu cầu của dạy học theo NLTH.
- Đánh giá kết quả đầu ra cần có sự giám sát chặt chẽ để “sản phẩm xuất xưởng” đáp ứng yêu cầu “khách hàng”.
- Coi nhà trường như một “doanh nghiệp đào tạo” trong nền kinh tế thị trường để thực hiện có trách nhiệm việc “quản lý thông tin đầu ra” như một quá trình “bảo hành sản phẩm” nhằm chủ động tận dụng tối đa những lợi ích do nó mang lại.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo tiếp cận NLTH, kết hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam và ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020, trên nguyên tắc bảo đảm tính đồng bộ, tính thực tiễn và tính khả thi, nghiên cứu sinh đã đề xuất 6 giải pháp sau:

**** Giải pháp 1: Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện***

+ *Mục đích của giải pháp:* Khắc phục những khiếm khuyết đang tồn tại của công tác quản lý tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH. Bảo đảm số lượng và chất lượng tuyển sinh đầu vào phù hợp với năng lực của cá nhân người học, năng lực của CSĐT. Tạo nhiều lựa chọn về thời điểm học tập phù hợp với khả năng, nguyện vọng của người học và đặc điểm nghề nghiệp. Khẳng định thương hiệu và uy tín của nhà trường và nghề đào tạo. Tạo nên sự đồng bộ, sự phù hợp với tổng thể QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng.

+ *Cách thức tiến hành:* Khi thực hiện cần kế thừa và phát triển kế hoạch tuyển sinh như một “bản đồ chỉ dẫn tổng thể” theo các bước sau:

1) Thành lập hội đồng tư vấn tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng có sự tham gia của cán bộ, chuyên gia các doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây dựng.

2) Tận dụng hệ thống thông tin và các kênh thông tin khác để thiết lập danh mục các nguồn tuyển sinh có thể tiếp cận từ trường phổ thông, doanh nghiệp,...

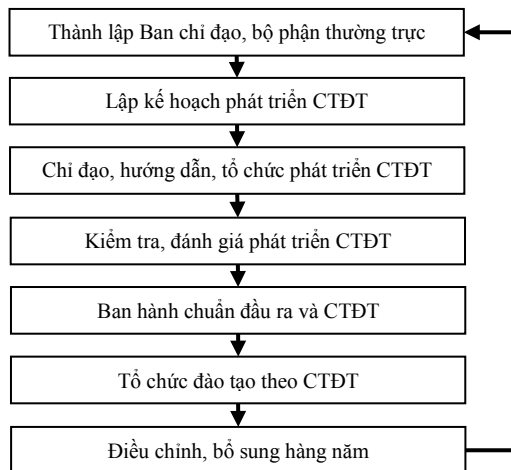
3) Xây dựng kế hoạch tổng thể hoạt động tuyển sinh trong cả năm làm cơ sở lập kế hoạch chi tiết cho từng nhóm công việc, từng thời điểm,... bảo đảm hoạt động tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng được triển khai liên tục mọi lúc, mọi nơi...

4) Đầu tư trang thiết bị và đội ngũ CBQL đủ năng lực để triển khai công tác quản lý tuyển sinh; trong đó, có hệ thống tuyển sinh trực tuyến.

**** Giải pháp 2: Quản lý phát triển chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện đáp ứng chuẩn nghề nghiệp***

+ *Mục đích của giải pháp:* Khắc phục điểm yếu trong quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH, đó là khâu chỉ đạo còn chưa thống nhất, chưa có những chỉ đạo đột phá nhằm mở đường cho doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng của nhà trường. Bảo đảm chuẩn đầu ra và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH với các cấp trình độ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu của nhà tuyển dụng. Khẳng định cam kết về chất lượng đào tạo của CSĐT đối với khách hàng; đồng thời là căn cứ cụ thể cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng của các CSĐT.

+ *Cách thức tiến hành:* Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp cần thực hiện theo chu trình như hình 3.1.



Hình 3.1: *Chu trình quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH*

Thành lập hội đồng tư vấn phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp có sự tham gia của các chuyên gia của các doanh nghiệp có uy tín, các nhà khoa học trong lĩnh vực xây dựng. Hội đồng này là đầu mối chỉ đạo việc phát triển CTĐT đáp ứng những yêu cầu cơ bản nhất về các tiêu chí: 1) Bám sát yêu cầu thực tiễn của công nghệ sản xuất; 2) Cập nhật nhanh chóng những tiến bộ của khoa học công nghệ xây dựng; 3) Phù hợp với năng lực đào tạo của CSĐT; 4) Khẳng định được giá trị của sản phẩm đầu ra – NLTH. Việc quản lý phát triển CTĐT cần thực hiện đồng bộ theo các bước trong bảng 3.2.

Bảng 3.2: *Quy trình quản lý hiệu chỉnh nội dung CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*

<i>TT</i>	<i>Hoạt động</i>	<i>Trách nhiệm</i>	<i>Mô tả nội dung thực hiện</i>	<i>Các thủ tục cần có</i>	<i>Sản phẩm</i>
1	Xác định những bất cập cần điều chỉnh, bổ sung đối với chuẩn đầu ra và CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng	Bộ phận thường trực và GV	Rà soát chuẩn đầu ra và CTĐT; Thu thập ý kiến chuyên gia và GV; Điều tra, khảo sát thực tế ở các DoN có uy tín trong lĩnh vực xây dựng	Quyết định phê duyệt kế hoạch điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT của Hiệu trưởng và kế hoạch chi tiết kèm theo	Báo cáo tổng quan về những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung
2	Lấy ý kiến	Bộ phận	Hội thảo chuyên đề ở Bộ	Quyết định tổ	Biên bản và

	chuyên gia	thường trực, GV và chuyên gia	môn và hội thảo tổng quan với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng ở CSDT và DoN	chức hội thảo và Thư mời chuyên gia	các báo cáo tại hội thảo
3	Tiếp thu các ý kiến từ hội thảo và tham khảo thêm các tài liệu liên quan	Bộ phận thường trực và GV	Chỉnh sửa theo các ý kiến và tài liệu liên quan đến CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT
4	Thông qua đề xuất cần chỉnh sửa	Hội đồng sư phạm và khoa học	Họp hội đồng sư phạm và khoa học để xem xét thông qua các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung của Dự thảo	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Biên bản họp hội đồng sư phạm và khoa học
5	Hoàn thiện Dự thảo điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và CTĐT	Bộ phận thường trực và GV	Chỉnh sửa các nội dung theo ý kiến trong biên bản họp hội đồng sư phạm và khoa học	Kế hoạch chi tiết đã phê duyệt	Dự thảo đã hoàn thiện
6	Ký duyệt và ban hành	Hiệu trưởng	Trình duyệt, ký, ban hành và triển khai thực hiện	Quyết định phê duyệt ban hành	chuẩn đầu ra và CTĐT

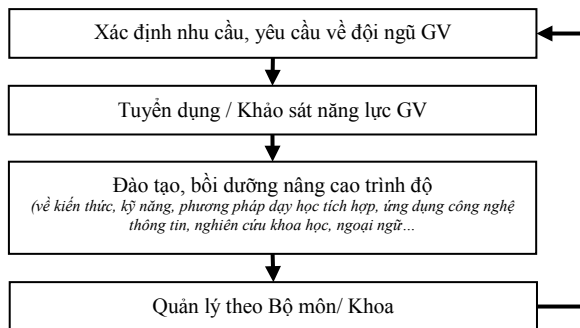
*** Giải pháp 3: Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng**

+ *Mục đích của giải pháp:* Khắc phục điểm yếu trong tổ chức và quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng. Bảo đảm đội ngũ GV đủ về số lượng và năng lực dạy học tích hợp; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đủ đáp ứng về số lượng và mức độ hiện đại phục vụ ĐTN Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.

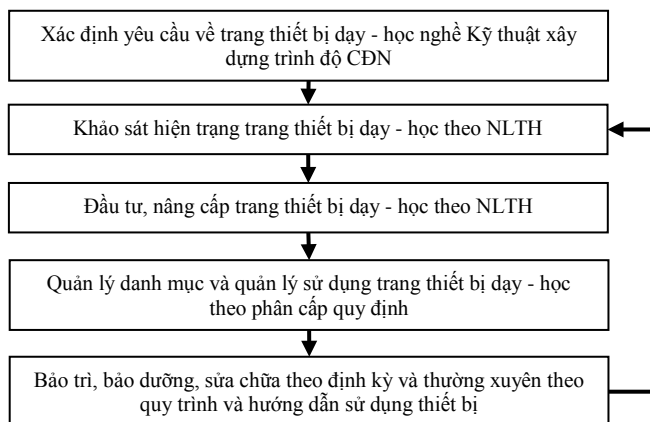
+ *Cách thức tiến hành:*

- *Về quản lý phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện:* Cần thực hiện chu trình như hình 3.2. Một điểm cần chú ý là việc khảo sát năng lực GV phải thực hiện đồng bộ và toàn diện trên cơ sở chuẩn GV đã quy định và một số quy định đặc thù của chuyên ngành. Chu trình này có thể tiến hành theo học kỳ hoặc theo năm học.

- *Về cải thiện hệ thống trang thiết bị dạy - học đáp ứng yêu cầu dạy học các mô đun nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH:* Chu trình quản lý trang thiết bị dạy học như hình 3.3 là một đề xuất cần thiết. Trong chu trình này, tất cả các bước đều phải bảo đảm các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra đánh giá.



Hình 3.2: Chu trình quản lý phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH



Hình 3.3: Chu trình quản lý trang thiết bị dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH

*** Giải pháp 4: Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo năng lực thực hiện**

+ **Mục đích của giải pháp:** Khắc phục điểm yếu của quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; đồng thời, tạo động lực để cả GV và HS đều vận động tích cực với vai trò của mỗi bên trong quá trình dạy và học. Tạo cơ sở quan trọng để quản lý đánh giá kết quả dạy và học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; bởi vì, khi tổ chức quá trình dạy học bảo đảm đúng yêu cầu của đào tạo theo NLTH thì các hoạt động đánh giá kết quả dạy học sẽ dễ dàng tiếp cận các yêu cầu của đào tạo theo NLTH.

+ *Cách thức tiến hành:* Xây dựng và thống nhất quy trình tổ chức quá trình dạy học theo các mô đun NLTH để tất cả CBQL, GV và HS cùng thực hiện. Chỉ đạo triển khai kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp để thực hiện các nội dung hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng đối với từng môn học, mô đun tương ứng với trình độ CĐN. Các trường có thể vận dụng quy trình tổ chức quá trình dạy học ở bảng 3.3 để quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH cho từng học kỳ. Thông thường, công cụ điều hành quá trình dạy học theo NLTH là các phần mềm tin học ứng dụng trên công nghệ tin điện tử (website).

Bảng 3.3: Quy trình tổ chức quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH

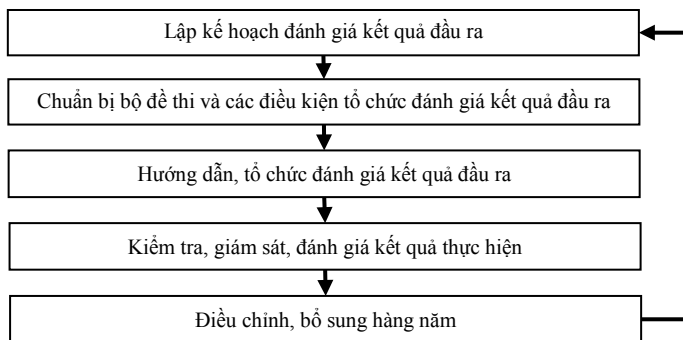
<i>Bước</i>	<i>Trình tự thực hiện</i>	<i>Diễn giải</i>
1	Dự kiến các mô đun ↓	Phòng Đào tạo dựa trên nhu cầu học tập, yêu cầu của Tổ bộ môn lập danh mục các mô đun sẽ học trong học kỳ
2	Đăng ký giảng dạy ↓	GV đăng ký giảng dạy trên phần mềm quản lý dạy học hoặc phiếu đăng ký giảng dạy và gửi về Khoa quản lý mô đun
3	Kiểm tra ↓	Các Tổ bộ môn kiểm tra đăng ký đúng các mô đun theo chuyên ngành đào tạo
4	Lập danh sách các lớp mô đun sẽ mở ↓	Phòng Đào tạo dựa trên danh mục các mô đun đã đăng ký, nhu cầu học tập, phòng học... lập danh sách các lớp mô đun sẽ mở
5	Đăng ký học ↓	HSSV đăng ký lớp mô đun
6	Kiểm tra ↓	Phòng Đào tạo kiểm tra theo điều kiện mở lớp mô đun và ra các thông báo đăng ký lại các lớp môn học, mô đun (nếu có)
7	Danh mục lớp môn học chính thức ↓	Phòng Đào tạo lập danh mục các lớp mô đun chính thức
8	Dạy và học theo thời khoá biểu ↓	GV, HSSV và các các đơn vị liên quan dạy và học theo quy trình dạy học
9	Đánh giá giảng dạy	GV tự tổ chức đánh giá QTDH

* **Giải pháp 5: Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH**

+ *Mục đích của giải pháp:* Khắc phục điểm yếu của quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH. Thống nhất cách thức tổ chức thực hiện quá trình kiểm tra, giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra/thi tốt nghiệp. Bảo đảm tính pháp lý, tính chính xác, tính khách quan và

công bằng đối với kết quả đầu ra - NLTH của mỗi HS; đồng thời, khẳng định giá trị đầu ra của “sản phẩm đào tạo”. Làm cơ sở triển khai công tác cấp văn bằng, chứng chỉ phù hợp với phương thức đào tạo nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH.

+ *Cách thức tiến hành*: Khi thực hiện cần quan tâm đến khả năng tham gia của các chuyên gia từ doanh nghiệp trong việc hỗ trợ xây dựng ngân hàng đề thi (qua các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá...) và khả năng mời chuyên gia tham gia trực tiếp đánh giá kết quả đầu ra của HS khi tổ chức kỳ thi. Giao nhiệm vụ cho bộ phận chức năng giám sát công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) theo chu trình như hình 3.4.



Hình 3.4: Chu trình quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra (NLTH) đối với nghề Kỹ thuật xây dựng

Trên cơ sở của kỳ thi đánh giá kết quả đầu ra, CSĐT hoặc Trung tâm chức năng (có giấy phép) sẽ cấp chứng chỉ hoàn thành NLTH theo quy định. Tất cả các thông tin này được thiết lập như một “hồ sơ điện tử” đối với mỗi HS trên mạng Internet.

*** Giải pháp 6: Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng**

+ *Mục đích của giải pháp*: Khắc phục “lỗ hổng” trong quản lý đầu ra mà nhiều năm nay các CSĐT vẫn bỏ qua, ít quan tâm và không có bộ phận chuyên trách thực hiện. Góp phần làm cho chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp tiệm cận gần nhau hơn để khẳng định giá trị đầu ra – NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng. Góp phần duy trì và phát triển bền vững mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Hình thành được hệ thống thông tin thị trường lao động để quản lý các thông tin, dữ liệu khách quan và chân thực nhằm đánh giá đúng chất lượng và hiệu quả đào tạo... Hợp pháp hóa, hệ thống hóa được hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp...

+ *Cách thức tiến hành*: Ký kết các biên bản thỏa thuận với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để thống nhất cách phối hợp tham gia, đặc biệt là phương thức cung cấp thông tin tuyển dụng và thị trường lao động. Thành lập một bộ phận chuyên trách thực hiện kết nối thông tin đa chiều để khẳng định giá trị đầu ra, qua đó tổ chức và quản lý công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp...

nghiệp. Xây dựng hệ thống văn bản các quy định, quy trình kèm biểu mẫu thống nhất phục vụ công tác quản lý. Đầu tư xây dựng một hệ thống thông tin việc làm và thị trường lao động trên mạng Internet và hệ thống SMS với một phần mềm quản lý phù hợp và hiệu quả. Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL, nhân viên trong quản lý kết nối thông tin đa chiều và trực tiếp tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm...

3.4. Khảo sát lấy ý kiến chuyên gia và thử nghiệm một số giải pháp

Kết quả khảo sát lấy ý kiến chuyên gia cho thấy đa số (trên 90%) các ý kiến đều cho rằng các giải pháp đưa ra là *thực tiễn* và *rất thực tiễn*; qua đó khẳng định đòi hỏi về đổi mới phương thức đào tạo và QLĐT nói chung và nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng là cần thiết; đặc biệt, phải có sự chuyển đổi căn bản từ phương thức quản lý hành chính - tập trung sang quản lý hướng tới chất lượng. Về tính khả thi của giải pháp hầu hết đều được đánh giá ở mức *khả thi hoặc rất khả thi*; nhưng nhìn chung tính khả thi của giải pháp được đánh giá thấp hơn tính thực tiễn, qua đó cho thấy sự khó khăn trong triển khai thực hiện giải pháp.

Kết quả thử nghiệm hai trong 6 giải pháp cho thấy sự cần thiết và hiệu quả của việc áp dụng 2 giải pháp "*Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*" và "*Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cấp văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH*" nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp; đồng thời cũng là minh chứng cho thấy các quy trình và chuẩn mực được nghiên cứu sinh đề xuất là phù hợp chức năng nhiệm vụ của các bộ phận và cá nhân, phù hợp với tiến trình công việc và có thể nhân rộng trong thực tiễn QLĐT nghề hướng tới chất lượng ở các trường CĐXD; phù hợp với giả thuyết đã đề ra.

Kết luận chương 3

Nghiên cứu sinh đưa ra 6 giải pháp theo mô hình vận dụng CIPO trong QLĐT nhằm khắc phục những yếu kém hiện nay, đưa ra những nội dung và đề xuất quy trình quản lý cụ thể để tổ chức QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH thuận lợi, hiệu quả và làm cơ sở tin học hóa quá trình quản lý, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo ở các trường CĐXD.

Kết quả lấy ý kiến các chuyên gia và kết quả thử nghiệm các giải pháp ở Trường CĐXD công trình đô thị cho thấy việc áp dụng giải pháp mà luận án đề xuất đã tạo thuận lợi cho việc quản lý, hình thành tư duy và phong cách làm việc theo quy trình và chuẩn mực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp; kết quả thử nghiệm cũng khẳng định tính phù hợp với cơ chế và quy trình quản lý, chứng minh được giả thuyết khoa học đã đề ra.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Đào tạo theo NLTH khác biệt với đào tạo kiểu truyền thống ở mọi yếu tố từ đầu vào, quá trình đến đầu ra dưới tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội. Ưu điểm lớn nhất của phương thức đào tạo này là “đầu ra” của quá trình đào tạo luôn được tiệm cận gần nhất với yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động.

1.2. Mô hình CIPO được vận dụng trong QLĐT theo NLTH là một giải pháp để các CSĐT tham khảo, bởi cách tiếp cận trong mô hình vận dụng này là *tiếp cận theo quá trình, tiếp cận theo định hướng đầu ra và tiếp cận thị trường - hướng tới chất lượng*.

1.3. Thực trạng về QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH ở các trường CĐXD chưa đổi mới và tiếp cận với cách thức quản lý hiện đại, đầu đó vẫn buồng lỏng, thậm chí có những “khoảng trống” gây ảnh hưởng chung đến toàn sự vận hành của hệ thống. Quản lý đầu vào, quản lý quá trình, quản lý đầu ra đều tồn tại những bất cập, cần có sự thích ứng phù hợp với tác động của bối cảnh và cần những giải pháp khắc phục.

1.4. Những nguyên nhân chủ quan gây ra những yếu kém của QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng ở các trường CĐXD là: Tư duy của lãnh đạo chưa đổi mới, phương thức lãnh đạo vẫn lạc hậu, chỉ đạo thực hiện thiếu quyết liệt, công tác kiểm tra quan liêu, buồng lỏng quản lý, thiếu cập nhật thông tin, không điều chỉnh kịp thời và hợp lý những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo. Quá trình quản lý thiếu đồng bộ, còn rời rạc, hoạt động thiếu linh hoạt, kém hiệu quả. Công cụ, phương pháp quản lý không đổi mới kịp quá trình phát triển của xã hội.

1.5. Luận án đề xuất 6 giải pháp nhằm khắc phục những yếu kém, nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý. Các giải pháp đó là: Quản lý công tác tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; Quản lý phát triển CTĐT nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH đáp ứng chuẩn nghề nghiệp; Quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng; Quản lý quá trình dạy học nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; Quản lý công tác đánh giá kết quả đầu ra và cập văn bằng, chứng chỉ nghề Kỹ thuật xây dựng theo NLTH; Quản lý thông tin đầu ra nghề Kỹ thuật xây dựng.

1.6. Kết quả lấy ý kiến các chuyên gia cho thấy các giải pháp đều phù hợp với thực tiễn, đều cấp thiết và khả thi. Tuy có một số ý kiến băn khoăn về tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất, nhưng hầu hết ý kiến cho rằng phải đổi mới phương thức đào tạo theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng và đổi mới phương thức quản lý kiểu hành chính - tập trung sang quản lý hướng tới chất lượng. Kết quả thử nghiệm các giải pháp ở Trường CĐXD công nghiệp đô thị cho thấy việc áp dụng các giải pháp mà luận án đề xuất đã tạo thuận lợi cho việc quản lý, hình thành tư duy và phong cách làm việc theo quy trình và chuẩn mực, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý; kết quả thử nghiệm chứng minh được giả thuyết khoa học đã đề ra.

2. Khuyến nghị

** Với Bộ ngành*

- Sửa đổi các quy định, hướng dẫn liên quan đến xây dựng, ban hành công khai chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT các ngành nghề đào tạo để các chuẩn đầu ra và CTĐT được CSĐT công khai bảo đảm về chất lượng, tính khả thi, tính thực tiễn và thực sự đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, của xã hội...

- Thể chế hóa việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo bằng các cơ chế chính sách cụ thể như: khuyến khích và có lộ trình bắt buộc các doanh nghiệp có trách nhiệm trực tiếp trong quá trình đào tạo nhân lực, có cơ chế phối hợp giữa doanh nghiệp với CSĐT trong cung ứng lao động hoặc đào tạo lại, bồi dưỡng tay nghề người lao động.

- Trên cơ sở quy hoạch phát triển nhân lực, các Bộ ngành cần đầu tư thực hiện các dự án, chương trình nghiên cứu để xác định rõ ngành nghề trọng điểm và dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực từng ngành nghề trong từng giai đoạn phát triển, qua đó các CSĐT sẽ dễ dàng định hướng phát triển, lựa chọn nghề đào tạo thích hợp....

- Tiếp tục đầu tư đúng mức cho các CSĐT để bảo đảm các điều kiện tối thiểu khi tổ chức đào tạo và QLĐT nghề Kỹ thuật xây dựng nói riêng và đào tạo nghề nói chung theo NLTH.

** Với các cơ sở đào tạo*

- Đổi mới tư duy quản lý của lãnh đạo nhà trường, theo đó, hãy coi nhà trường như một “doanh nghiệp đào tạo” trong nền kinh tế thị trường để tiếp cận nhanh chóng phương thức quản lý hướng tới chất lượng và thực sự tự chủ trong quản lý.

- rà soát tổng thể hệ thống văn bản quy định liên quan đến QLĐT tại CSĐT để điều chỉnh, thống nhất và hoàn thiện nhằm làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và QLĐT nghề theo NLTH đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp.

- Triển khai các giải pháp QLĐT theo NLTH nghề Kỹ thuật xây dựng đã đề xuất trong luận án để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý của đơn vị mình; đồng thời, lựa chọn cách tiếp cận để nhân rộng với các nghề khác.

- Đầu tư hệ thống máy tính, mạng Internet, các phần mềm hữu dụng để tin học hóa QLĐT, tiến tới một hệ thống quản lý điện tử tổng thể và chuyên nghiệp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

I. Các bài báo khoa học liên quan đến luận án

1. Đào Việt Hà (2012), *Nghiên cứu vận dụng mô hình CIPO vào quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện*, Tạp chí Giáo dục số 292 (kỳ 2, tháng 8/2012), Hà Nội, tr.5,6,7.
2. Đào Việt Hà (2013), *Quản lý chuẩn đầu ra và mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo*, Tạp chí Giáo dục số 306 (kỳ 2, tháng 3/2013), Hà Nội, tr.4,5,6.
3. Đào Việt Hà (2013), *Quản lý chất lượng đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội*, Tạp chí Giáo dục số 314 (kỳ 2, tháng 7/2013), Hà Nội, tr.5,6,7.
4. Đào Việt Hà (2013), *Nghiên cứu vận dụng mô hình quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện và hai giải pháp chủ yếu*, Kỷ yếu Hội thảo nghiên cứu sinh, Viện KHGDVN, tháng 12/2013, Hà Nội, tr.85-102.
5. Đào Việt Hà (2014), *Thực trạng quản lý đào tạo theo năng lực thực hiện ở các trường cao đẳng xây dựng*, Tạp chí Giáo dục số 333 (kỳ 1, tháng 5/2014), Hà Nội, tr.10,11,12,13.